

Bản án số: 84/2018/DSPT

Ngày 11-9-2018

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn  
là quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Châu Việt Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng giàu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2018/TLPT-DS, ngày 25/6/2018 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản cho mượn là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/DS-PT ngày 25/8/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**- Bị đơn:** Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Võ Văn L, sinh năm 1946

3. Anh Võ Văn M (tên gọi khác Võ Văn K), sinh năm 1985

4. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1949

5. Ông Ngô Thanh Q, sinh năm 1946

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Ngô Hồng H, sinh năm 1943.  
Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Lê Thị C, sinh năm 1935

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1951

8. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1967

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng A; ông S: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

9. Bà Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1968

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Bùi Mỹ T, sinh năm 1973

11. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Bùi Mỹ T, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

13. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Ngô Hồng H, sinh năm 1943

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Châu Phi Đ – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu.

15. Bà Bùi Thị X, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Bùi Mỹ T, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp M, xã Vĩnh P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

16. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1947

Địa chỉ: đường Q, khu phố R, phường V, thành phố G, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Ngô Hồng L, sinh năm 1955. Địa chỉ: đường Q, khu phố R, phường V, thành phố G, Kiên Giang.

17. Bà Ngô Hồng L, sinh năm 1955

Địa chỉ: đường Q, khu phố R, phường V, thành phố G, Kiên Giang.

18. Ông Ngô Thanh B, sinh năm 1959

Địa chỉ: đường số X, khu dân cư B, khóm Y, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

19. Chị Võ Thị N, sinh 1983

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Ngô Thanh T, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Ngô Thanh T.

(bà T, bà Đ, ông L, anh M, bà N, bà Th, bà T, ông L, ông H, ông Châu Phi Đ, bà L có mặt; Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Ngô Thanh T trình bày: Khoảng năm 1951-1952 cha mẹ bà T là ông Ngô Hồng T và bà Lê Thị H có cho ông Bùi Văn N và bà Lê Thị C là cha mẹ ruột của bà Đ mượn đất ở, không biết diện tích đất cụ thể cho mượn là bao nhiêu nhưng chỉ biết phần đất cho mượn đủ để cất nhà. Khi cho mượn thì không làm giấy tờ, chỉ nói miệng không có người khác chứng kiến, còn việc lý do tại sao bà T biết có việc cho mượn đất là do người khác nói lại. Đến năm 1976 gia đình bà T có yêu cầu ông N trả đất nhưng gia đình ông N không đồng ý trả. Đến năm 1987 – 1988 ông T có cho bà T một phần đất trong đó có phần đất trước đây đã cho ông N mượn, bà T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ chính quy tại thửa 85 tờ bản đồ 25. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ giao trả phần đất có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> tại 85 tờ bản đồ 25 đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn bà Bùi Thị Đ trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông hội đồng Tô, năm 1950-1951 cha mẹ bà nhận từ ông Hội đồng Tô, nhận phần đất có chiều ngang 21m, chiều dài 1.500m, cha mẹ bà nhận đất và quản lý cho đến nay. Gia đình bà sử dụng phần đất này ổn định không phát sinh tranh chấp, tuy nhiên gia đình bà và gia đình bà T bắt đầu phát sinh tranh chấp từ năm 1990. Trong quá trình sử dụng cha bà có đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được do đất đang tranh chấp. Bà xác định cha mẹ bà không mượn đất của cha bà T nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Ngoài ra, bà Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T phần đất tranh chấp có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> tại 85 tờ bản đồ 25 đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Ngô Hồng H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do chính quyền Việt Minh cấp cho cha mẹ ông vào khoảng năm 1945. Cha mẹ ông sử dụng và cho ông N và bà C ở nhờ trên phần đất. Ông không biết diện tích đất cụ thể cho mượn là bao nhiêu nhưng chỉ biết phần đất cho mượn đủ để cất nhà. Khi cho mượn thì không làm giấy tờ, chỉ nói miệng không có người khác chứng kiến, còn việc lý do tại sao ông biết có việc cho mượn đất là do người khác nói lại. Cha mẹ ông đã cho bà T phần đất hiện đang tranh chấp do đó ông đồng ý với nội dung bà Thủy khởi kiện đòi bà Đ trả đất.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 về việc giải quyết khiếu nại hành chính đã căn cứ vào Luật Đất đai năm 2003, Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại tố cáo ngày 15/6/2004 và ngày 29/11/2005. Qua quá trình giải quyết khiếu nại của bà Đ, Văn phòng đăng ký đất đai Phòng tại Nguyên và Môi trường huyện P đã lập thủ tục cấp đổi dự án 323 cho hộ bà Ngô Thanh T và bà T đã nhận giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất mới ngày 06/4/2011. Vấn đề này cán bộ chuyên môn không phát hiện bà T đang tranh chấp với ông N nên đã tham mưu cho lãnh đạo trình Ủy ban nhân dân huyện P ký cấp đổi cho bà T. Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 chưa đúng về thửa đất bị thu hồi nên không có giá trị về mặt pháp lý. Đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án căn cứ vào quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

*Từ nội dung trên tại bản án số: 07/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thanh T đòi bà Bùi Thị Đ phân đất có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> (có tuyên vị trí tứ cạnh kèm theo).

2/. Hủy Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại quyết định hành chính.

3/. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thanh T; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 008854 cấp cho hộ bà Ngô Thanh T diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> tại 85 tờ bản đồ 25 đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có tuyên vị trí tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo cũng như trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự

Ngày 28/5/2018 bà Ngô Thanh T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Những vấn đề bà T kháng cáo yêu cầu bà Đ giao trả phần đất có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup>.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà Ngô Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của bà Ngô Thanh T yêu cầu bà Bùi Thị Đ giao trả phần đất có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T trình bày vào khoảng năm 1951-1952, ông Ngô Hồng T và bà Lê Thị H là cha mẹ bà có cho cha mẹ bà Đ là ông Bùi Văn N và bà Lê Thị C mượn một phần đất để cất nhà ở, nhưng bà không biết cụ thể diện tích đất cho mượn là bao nhiêu, khi cho mượn cũng chỉ nói miệng không làm giấy tờ cũng không có ai chứng kiến việc cha mẹ bà cho cha mẹ bà Đ mượn đất. Lý do bà biết cha mẹ bà cho cha mẹ bà Đ mượn đất là nghe người khác nói lại. Nay cha bà Đ chết, bà Đ là người trực tiếp quản lý sử dụng đất nên bà yêu cầu bà Đ giao trả phần đất như đã trình bày trên.

[2]. Chứng cứ bà T khởi kiện đòi đất, bà T cung cấp lời khai của những người làm chứng như ông Th, ông B, bà S là những người sinh sống lâu đời tại địa phương hiểu biết về nguồn gốc đất tranh chấp: Tòa án tiến hành xác minh những người làm chứng nêu trên thì tại biên bản xác minh ngày 28/11/2017 (BL 671-673) ông Th trình bày nghe mẹ ruột bà T nói lại có cho cha mẹ bà Đ mượn đất, nhưng ông không trực tiếp chứng kiến việc cho mượn đất. Còn tại biên bản xác minh ngày 17/10/2017 (BL 663-664) ông B trình bày việc ông biết cha mẹ bà T cho cha mẹ bà Đ mượn đất là do ông tự suy nghĩ ra dựa trên cơ sở cha mẹ bà Đ ra ở riêng không có đất ở nên mượn đất cô ruột là mẹ bà T để cất nhà ở, thực tế ông không chứng kiến sự việc cho mượn đất giữa hai gia đình. Còn bà S do bị bệnh nên Tòa án không tiến hành xác minh được. Xét thấy, những người làm chứng bà T cung cấp không trực tiếp chứng kiến việc cha mẹ bà T có cho cha mẹ bà Đ mượn đất nên lời khai của những người làm chứng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Đối với Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Công văn số 1350/UBND ngày 04/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P (BL 642) xác định, quá trình giải quyết khiếu nại của bà Đ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T Văn phòng đăng ký đất đai Phòng tại Nguyên và Môi trường huyện P lập thủ tục cấp đổi dự án 323 cho hộ bà Ngô Thanh T và bà Thủy đã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới ngày 06/4/2011. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T có phần diện tích 844,2m<sup>2</sup> đất của ông N đang quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1952 đến nay. Ngoài ra, xét thấy việc giải quyết khiếu nại của bà Đ tại quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 giải quyết chưa đúng về thửa đất cũng như diện tích đất tranh chấp, bà T và bà Đ tranh chấp diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> nhưng quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 giải quyết diện tích 844,2m<sup>2</sup> và vị trí số đo tứ cạnh cũng khác nhau. Do đó, Quyết định 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 bị thu hồi không có giá trị về mặt pháp lý, cấp sơ thẩm

nhận định hủy Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại quyết định hành chính là phù hợp quy định pháp luật được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[4]. Bà T còn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tại công văn số 120/UBND ngày 16/02/2017 (BL 420) của Ủy ban nhân dân huyện P xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là căn cứ theo bản đồ 299 cũ không đo đạc thực tế nên độ chính xác không cao và việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là chưa phù hợp quy định. Mặc khác, thời điểm bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N (cha bà Đ) lại là người trực tiếp quản lý sử dụng đất nên việc bà T kê khai cấp giấy là không đúng đối tượng sử dụng đất. Cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận yêu cầu của bà Đ hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 008854 cấp cho hộ bà Ngô Thanh T diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> tại 85 tờ bản đồ 25 đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên. Vì vậy, bà T cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng đây là căn cứ để chứng minh nguồn gốc đất là của gia đình bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Bà Đ không thừa nhận cha mẹ bà có mượn đất của cha mẹ bà T, chứng cứ bà Đ cung cấp cho tòa án để chứng minh cho lời trình bày của bà là lời khai của nhân chứng sinh sống lâu năm tại địa phương. Qua xác minh những người làm chứng như: Ông Nguyễn Văn N (BL 650) bà Nguyễn Thị M (BL 652) bà Nguyễn Thị C (BL 656) ông Nguyễn Văn T (BL 657-658) bà Nguyễn Thị H (BL 659 - 660) những người làm chứng trên đều thống nhất xác định gia đình ông N (cha bà Đ sử dụng phần đất này từ trước đến nay ổn định, khi ông T (cha bà T) còn sống không phát sinh tranh chấp. Xét thấy, lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời khai của bà Đ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm nhận định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đòi bà Đ bồi phần đất có diện tích đất 1.124,8m<sup>2</sup> là phù hợp quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7]. Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Pc Long, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Ngô Thanh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thanh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thanh T đòi bà Bùi Thị Đ phần đất có diện tích 1.124,8m<sup>2</sup>. Có vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất bà Ngô Thanh T đang sử dụng có cạnh dài 54m;
- Hướng tây giáp phần đất ông Lê Văn T đang sử dụng có cạnh dài 54m;
- Hướng nam giáp phần đất bà Ngô Thanh T đang sử dụng có cạnh dài 21m;
- Hướng bắc giáp phần đất bà Ngô Thị Đ đang sử dụng có cạnh dài 21m;

Phần đất có tổng diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 85, tờ bản đồ số 25. Đất tọa lạc tại ấp , xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Hủy Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại quyết định hành chính.

3/. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thanh T; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 008854 cấp cho hộ bà Ngô Thanh T diện tích 1.124,8m<sup>2</sup> tại 85 tờ bản đồ 25 đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Có vị trí tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp phần đất bà Ngô Thanh T đang sử dụng có cạnh dài 54m;
- Hướng tây giáp phần đất ông Lê Văn T đang sử dụng có cạnh dài 54m;
- Hướng nam giáp phần đất bà Ngô Thanh T đang sử dụng có cạnh dài 21m;
- Hướng bắc giáp phần đất bà Ngô Thị Đ đang sử dụng có cạnh dài 21m;

4/. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.600.000 đồng. Buộc bà Ngô Thanh T phải chịu toàn bộ. Bà T đã nộp tạm ứng 3.500.000 đồng đã chi phí hết không được hoàn lại. Bà Bùi Thị Đ đã nộp tạm ứng 850.000 đã chi phí hết 100.000đồng, bà Đ đã được nhận lại 750.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P phiếu thu số 09/PC ngày 23/3/2018. Buộc bà Ngô Thanh T nộp tiếp 100.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P để hoàn lại cho bà Bùi Thị Đ 100.000 đồng.

5/. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Ngô Thanh T phải chịu 200.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 500.000 đồng tại biên lai thu số 0002605 ngày 28/6/2016 và biên lai thu số 0009839 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, bà T còn được nhận lại 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự sơ thẩm Bùi Thị Đ không phải chịu. Bà Bùi Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0009864, ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Ngô Thanh T phải chịu, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu số 0011717, ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí không được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm dân sự có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TANDTC (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện PL (01 bản) ;
- Chi cục THADS huyện PL(01 bản);
- Đương sự (21 bản);
- Lưu TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**Nguyễn Văn Hoàng**